

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 07 - 2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 44/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị T, sinh năm 1980 (1979). Địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn C, sinh năm 1967 (1977). Địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/03/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 02/2013 đến nay, chị

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: chị và anh Phạm Văn C có hai con chung, các cháu tên là Phạm Thị T, sinh ngày 07/10/2001 và Phạm Văn Q, sinh ngày 28/02/2004. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Phạm Văn C đến Toà án để viết bản khai nhưng anh C không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị T, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Đỗ Thị T đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án, thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị T khai, chị và anh Phạm Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Phong (nay là thị trấn Hà Trung), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao Trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cấp đề ngày 14/03/2022, trong đó xác định chị T và anh C là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Cũng theo chị T khai, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 02/2013 đến nay. Theo kết quả xác minh các ngày 24/05/2022 và 27/05/2022, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, quá trình chung sống, thỉnh thoảng chị T và anh C có xảy ra cãi nhau khi anh C uống rượu say, vợ chồng nói nhau qua lại rồi va chạm, cãi cọ; chính quyền địa phương và người thân đã khuyên bảo, động

viên nhiều lần nhưng không được; chị T đã bỏ đi khỏi từ mùng 06/01/2022 đến nay không về nhà. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh C luôn tồn tại mâu thuẫn và không chung sống với nhau đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Đỗ Thị T khai, chị và anh Phạm Văn C có hai con chung, các cháu tên là Phạm Thị T, sinh ngày 07/10/2001 và Phạm Văn Q, sinh ngày 28/02/2004. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án hai bản sao Giấy khai sinh, trong đó xác định các cháu Phạm Thị T và Phạm Văn Q đều là con chung của chị T và anh C. Mặt khác, các cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định các cháu Thu và Quang là con chung của chị T và anh Quang. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung do các cháu Thu và Quang đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn C không có ý kiến gì nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn C.

2. Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004287 ngày 08/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên Nguyễn Thị Hương

Đào Văn Nam

